

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 124/2024/HS-ST
Ngày 27/11/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tiến Chinh - Cán bộ hưu;

- Ông Nguyễn Xuân Chung - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Thị Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo: Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn Giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; bố đẻ: Nguyễn Văn N; mẹ đẻ: Nguyễn Thị H (đều đã chết); gia đình có 02 chị em, Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019.

Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 40/QĐ-XPHC ngày 17/5/2012 của Công an phường T, thành phố B, xử phạt Thuần 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 37/QĐ-XPHC ngày 13/4/2022 của Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang, xử phạt Thuần 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản ngày 01/9/2021.

+) Bản án số 82/2015/HSST ngày 29/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt 04 năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2018, án phí ngày 08/4/2016.

Tiền án:

+) Bản án số 33/2022/HSST ngày 27/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

+) Bản án số 112/2022/HSST ngày 22/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 08 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 33/2022/HSST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 08 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2024.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2024 đến nay. Hiện Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L (có mặt).

Bị hại: Chị Quát Thị N1, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 ở thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang là đối tượng có tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Khoảng 10 giờ ngày 09/8/2024, T đang ở nhà thì Nguyễn Đức T1, sinh năm 1987 ở cùng thôn đến chơi. Lúc sau, T rủ T1 lên nhà anh T2 (không rõ thông tin cụ thể) ở thôn Y, xã B, huyện L chơi, T1 đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Arrow 7 màu xanh trắng, biển kiểm soát (BKS) 89H5-3207 (là xe mô tô Thuần mượn của anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1994 ở cùng thôn) chở T1 đến nhà anh T2. Đến nơi thấy nhà anh T2 đóng cổng nên T điều khiển xe mô tô chở T1 đi về. Trên đường về, khi đi đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn T, xã T, huyện L thì T, T1 thấy 01 chiếc xe cải tiến (xe lô) bằng kim loại, có bánh xe bằng cao su

của chị Quất Thị N1, sinh năm 1987, trú tại thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang đi làm đồng để ở rìa đường, trên xe lô có 01 chiếc cuốc, 02 chiếc liềm, 01 chỗ bơm nước bằng nhựa phi 90, 01 ống nhựa bơm nước P phi 90. Khi đi qua một đoạn thì T1 nói với T quay lại xem có gì thì lấy, T đồng ý rồi điều khiển xe mô tô chở T1 quay lại và đỗ cách chiếc xe cải tiến khoảng 05m. Quan sát không có người T1 xuống nhằng càng xe cải tiến lên rồi kéo đến chỗ T đang đứng chờ, T1 ngồi lên yên xe dùng 02 tay giữ xe cải tiến để T điều khiển xe mô tô hướng đi xã B, huyện L. Khi đi đến khu vực nghĩa trang T3 địa phận xã T, huyện L thì T dừng xe lại để T1 xuống ném 01 chiếc cuốc, 02 chiếc liềm, 01 chỗ bơm nước bằng nhựa phi 90, 01 ống nhựa bơm nước P phi 90 xuống nương nước. Sau đó T và T1 khai mang xe cải tiến đến cửa hàng thu mua sắt vụn bán cho ông Dương Văn L1, sinh năm 1966 ở tổ dân phố số C, thị trấn K, huyện L được số tiền 500.000 đồng. Số tiền bán tài sản trộm cắp, T và T1 khai đã cùng nhau chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 10/8/2024, chị Quất Thị N1 đã tìm thấy 01 chiếc cuốc, 02 chiếc liềm, 01 chỗ bơm nước bằng nhựa phi 90, 01 ống nhựa bơm nước P phi 90, đồng thời chị làm đơn trình báo. Cùng ngày, T và T1 đến Công an huyện L đầu thú và Thuần giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus màu vàng, số IMEI: 354984077024567 (BL 28-29;111).

Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an huyện L tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T, thu giữ: 01 mô tô nhãn hiệu Arrow 7 màu xanh trắng, biển số 89H5-3207 (BL 26-27).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 57 ngày 13/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: 01 chiếc xe cải tiến (xe lô) đã qua sử dụng có giá trị là 1.400.000 đồng; 01 chiếc cuốc đã qua sử dụng có giá trị là 90.000 đồng; 01 chỗ bơm nước bằng nhựa phi 90 đã qua sử dụng có giá trị là 90.000 đồng; 02 chiếc liềm gặt lúa đã qua sử dụng có giá trị là 90.000 đồng; 01 ống nhựa bơm nước PVC phi P đã qua sử dụng có giá trị là 140.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 1.810.000 đồng.

Đối với Nguyễn Đức T1 có hành vi trộm cắp tài sản cùng Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định T1 chưa có tiền án, tiền sự. Trị giá tài sản trộm cắp chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Ngày 08/10/2024, Công an huyện L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Đức T1 về hành vi nêu trên.

Đối với anh Nguyễn Đức D là người cho T mượn xe mô tô Arrow 7 BKS 89H5-3207, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên không nằm trong kho tang vật, anh D không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T; ông

Dương Văn L1 cũng không thừa nhận đã mua chiếc xe lôi của T và T1 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus màu vàng, số IMEI: 354984077024567; 01 mô tô nhãn hiệu Arrow 7 BKS 89H5-3207, Cơ quan điều tra chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Chị N1 yêu cầu T và T1 bồi thường số tiền 1.400.000 đồng. Hiện T và T1 chưa bồi thường cho chị N1.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Tại bản Cáo trạng số: 117/CT-VKS ngày 23 tháng 10 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).

- Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không oan sai.

Ngoài ra bị cáo còn trình bày: Ngày 09/8/2024 bị cáo đã cùng Nguyễn Đức T1 lấy trộm xe xải tiến (xe lôi) của chị Quát Thị N1 mang đi bán được 500.000 đồng. Tiền bán xe cải tiến bị cáo cùng T1 ăn tiêu hết. Chị N1 yêu cầu bị cáo bồi thường 1.400.000 đồng, bị cáo đồng ý.

- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 09 đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/8/2024.

Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Quát Thị N1 1.400.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS).

Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus màu vàng. Nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại anh Nguyễn Đức D 01 xe mô tô nhãn hiệu Arrow 7, biển kiểm soát 89H5-3207.

- Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát:

- Bị cáo T tranh luận đối đáp: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

* Kết thúc tranh luận

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án giao giấy triệu tập, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người vắng mặt trong quá trình hỏi tại phiên tòa.

[2] Đánh giá tính hợp pháp về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó cần xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng pháp luật.

[3] Đánh giá chứng cứ

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 09/8/2024, tại đoạn đường liên thôn thuộc thôn T, xã T, huyện L, Nguyễn Văn T là đối tượng có tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xoá án tích có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe cải tiến (xe lô) bằng kim loại, bánh xe bằng cao su, trên xe có 01 chiếc cuốc, 02 chiếc liềm, 01 chõ bơm nước bằng nhựa phi 90, 01 ống nhựa bơm nước P phi 90, có tổng trị giá là 1.810.000 đồng của chị Quất Thị N1. Tài sản chiếc xe cải tiến (xe lô) hiện không thu hồi được để trả cho bị hại.

Bị cáo đã có 2 tiền án về tội trộm cắp tài sản, nay lại lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 1.810.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Vì vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ; chỉ vì động cơ mục đích có tiền ăn tiêu, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do đó, phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét về nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo nhận thức được sai phạm của mình, nên đã tự ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có 2 tiền án:

- Bản án số: 33/2022/HSST ngày 27/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án số: 112/2022/HSST ngày 22/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 08 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 33/2022/HSST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 08 tháng tù.

Hai tiền án trên đã được đưa vào cấu thành tội phạm, nên không xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên bị cáo có nhân thân:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 40/QĐ-XPHC ngày 17/5/2012 của Công an phường T, thành phố B, xử phạt Thuần 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 37/QĐ-XPHC ngày 13/4/2022 của Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang, xử phạt Thuần 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản ngày 01/9/2021.

- Bản án số 82/2015/HSST ngày 29/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt 04 năm tù, về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2018, án phí ngày 08/4/2016.

Mặc dù bản án và quyết định xử phạt hành chính trên không xác định là tiền án, tiền sự. Nhưng cũng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu. Do đó xét thấy cần có hình phạt tù giam bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

Do bị cáo đang bị tạm giam. Nên cần áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam tính từ ngày tuyên án.

[7] Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Quát Thị N1 yêu cầu Thuần bồi thường số tiền 1.400.000 đồng. Hiện Thuần chưa bồi thường cho chị N1 và đồng ý bồi thường cho chị N1 số tiền này. Nên cần chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị N1 1.400.000 đồng.

[9] Về các nội dung khác:

- Đối với Nguyễn Đức T1 có hành vi trộm cắp tài sản cùng Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định T1 chưa có tiền án, tiền sự. Trị giá tài sản trộm cắp chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Ngày 08/10/2024, Công an huyện L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Đức T1 về hành vi nêu trên.

- Đối với anh Nguyễn Đức D là người cho T mượn xe mô tô Arrow 7 BKS 89H5-3207, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên không nằm trong kho tang vật, anh D không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T; ông Dương Văn L1 cũng không thừa nhận đã mua chiếc xe lỏi của T và T1 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định.

[10] Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus màu vàng, số IMEI: 354984077024567 không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại bị cáo. Nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án

- 01 mô tô nhãn hiệu Arrow 7 BKS 89H5-3207 trả lại anh Nguyễn Đức D.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (một) năm tù, về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2024.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều: 584, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Quát Thị N1 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng).

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus màu vàng, số IMEI: 354984077024567 (đã qua sử dụng). Nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả cho anh Nguyễn Đức D 01 mô tô nhãn hiệu Arrow 7 BKS 89H5-3207 (đã qua sử dụng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Chu Điện, huyện Lục Nam;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh